TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 06 /2019/DS-ST
Ngày: 24- 5-2019
V/v: *Kiện đòi tài sản*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hương Lan

- *Các hội thẩm nhân dân*: Ông Ngô Văn Sang và bà Vũ Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy*: Không

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2019/TLST – DS ngày 20/3/2019, về việc "Kiện đòi tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2019/QĐST- DS ngày 06/5/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1958 – Vắng mặt

Nơi cư trú: A9, tổ 15, khu phố 6, phường TH, TP BH, Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L là anh Hoàng Văn Ng, sinh năm 1995, Nơi cư trú: Phòng 1107, Tòa B VNx 12, số 57, VTP, quận TX, thành phố Hà Nội – Theo văn bản ủy quyền ngày 30/3/2019

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Châu Thành N thẻ luật sư số 5876/LS do Liên đoàn luật sư Việt Nam cấp ngày 22/4/2014 là luật sư Công ty Luật TNHH ViLob NL, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

(*Ông Ngọc và ông Nam đề nghị giải quyết vắng mặt)*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1973 – Vắng mặt

Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1977 – Có mặt

Đều có nơi cư trú: thôn HN, xã TC, TT, Thái Bình

(Anh M ủy quyền cho chị D tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền lập ngày 22/4/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Hoàng Văn Ng và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là luật sư Châu Thành N thống nhất trình bày:

Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị D quen biết bà Nguyễn Thị Kim L do bà L là cô giáo của con anh, chị. Năm 2011, nhiều lần anh M, chị D than vãn về việc làm ăn khó khăn, cần vốn nên hỏi bà L vay tiền và vàng, hứa khi cần sẽ trả cả vốn và lãi. Do tin tưởng, ngày 30/12/2011 bà L đồng ý cho anh M, chị D vay 200.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC có giá trị tại thời điểm vay là 46.000.000 đồng/1 cây, tài sản này là của riêng bà Nguyễn Thị Kim L. Hai bên lập giấy vay tiền với nội dung anh M, chị D vay số tiền 200.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC. Lãi suất thỏa thuận miệng là 2%/tháng, thời hạn vay là 06 tháng. Đến hạn trả nợ bà L đòi tiền và vàng nhưng anh M và chị D chỉ hứa hẹn mà không trả. Ngày 10/8/2016 chị D đã viết giấy xác nhận vay nợ và hứa trả nợ mỗi tháng là 4.000.000 đồng nhưng vẫn không trả. Nay bà L khởi kiện yêu cầu anh M, chị D phải trả nợ cho bà số tiền 200.000.000 đồng tiền mặt và 03 cây vàng SJC có giá trị tại thời điểm vay là 46.000.000 đồng/lượng, 3 lượng có giá trị là 138.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi tiền và vàng.

Tại bản tự khai ngày 28/3/2019 và tại phiên tòa sơ thẩm chị D trình bày:

Chị thừa nhận toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về quan hệ hợp đồng vay tài sản giữa vợ chồng chị với bà Nguyễn Thị Kim L, thừa nhận chứng cứ bà Linh khởi kiện là đúng. Chị xác định khoản nợ vay bà L là nợ chung của vợ chồng không liên quan đến ai khác, mục đích vay tiền là để đầu tư trang trại chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Cho đến thời điểm hiện nay còn nợ bà L 200.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC có giá 46.000.000 đồng/cây = 138.000.000 đồng, tổng là 338.000.000 đồng. Do làm ăn thua lỗ nên anh chị không thể trả nợ cho bà L theo hạn. Nay vợ chồng chị về quê ở xã T làm công nhân, điều kiện lao động thu nhập thấp nên chị đề nghị trả nợ dần cho chị L mỗi năm 30.000.000 đồng, chia làm 04 kỳ trả nợ trong năm vào ngày cuối cùng của các quý.

Do không hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đưa ra yêu cầu khởi kiện, đồng bị đơn thừa nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và các chứng cứ như giấy vay nợ, biên bản nhận nợ do nguyên đơn cung

cấp, nên có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Áp dụng các Điều 463, 465,466 buộc chị D và anh M phải trả cho bà L số tiền 200.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC trị giá 138.000.000 đồng, tổng cộng là 338.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi là tự nguyện nên chấp nhận.

[2]. Bị đơn đề nghị trả nợ cho nguyên đơn mỗi năm 30.000.000 đồng, chia làm 04 kỳ trả nợ trong năm vào ngày cuối cùng của các quý nhưng nguyên đơn không chấp nhận việc phân kỳ trả nợ; trong hợp đồng vay không thỏa thuận việc phân kỳ trả nợ nên không chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Buộc bị đơn phải trả nợ toàn bộ tiền và vàng cho nguyên đơn.

[3] Về án phí:

- Bị đơn phải chịu án phí trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, số tiền án phí dân sự bị đơn phải nộp là 338.000.000 x 5% = 16.900.000 đồng.

- Trả lại nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 463, 465, 466 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L;

- Buộc chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn M phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 200.000.000 đồng và 03 cây vàng SJC trị giá 138.000.000 đồng, tổng cộng là 338.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn M phải chịu 16.900.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền 7.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001734 ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thái Thụy

3. Quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15

ngày kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Kim L, đại diện theo ủy quyền của bà Linh là anh Hoàng Văn Ng, bị đơn là anh Nguyễn Văn M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 9 Luật thi hành án dân sự; điều 7 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Thái Thuỵ;*
- *Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy*
- *Lưu hồ sơ*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Thị Hương Lan